|  |  |
| --- | --- |
| **THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số:.........../2020/QĐ-TTg | *Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2020* |

**DỰ THẢO**

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định tiêu chí xác định doanh nghiệp công nghệ cao**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;*

*Căn cứ Luật Công nghệ cao ngày 13 tháng 11 năm 2008;*

*Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;*

*Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định tiêu chí xác định doanh nghiệp công nghệ cao.*

**Điều 1.** Tiêu chí xác định doanh nghiệp công nghệ cao

Doanh nghiệp công nghệ cao là doanh nghiệp đáp ứng các tiêu chí quy định tại Điểm a và b Điều 75 của Luật Đầu tư số 67/2014/QH14, đồng thời đáp ứng các tiêu chí cụ thể sau:

1. Doanh thu từ sản phẩm công nghệ cao của doanh nghiệp phải đạt ít nhất 70% trong tổng doanh thu thuần hàng năm.

2. Tổng chi cho nghiên cứu và phát triển của doanh nghiệp phải thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Đối với doanh nghiệp có tổng nguồn vốn trên 6.000 tỷ đồng và tổng số lao động trên 3.000 người, thì tổng chi cho hoạt động nghiên cứu và phát triển hằng năm phải đạt ít nhất 0,5% tổng giá trị sản xuất gia tăng của doanh nghiệp;

b) Đối với doanh nghiệp không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều này, có tổng nguồn vốn từ 100 tỷ đồng và tổng số lao động từ 200 người trở lên, thì tổng chi cho hoạt động nghiên cứu và phát triển hàng năm đạt ít nhất 1% tổng giá trị sản xuất gia tăng của doanh nghiệp;

c) Đối với doanh nghiệp có tổng nguồn vốn và tổng số lao động không thuộc trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều này thì tổng chi cho hoạt động nghiên cứu và phát triển hàng năm đạt ít nhất 2% tổng giá trị sản xuất gia tăng của doanh nghiệp.

Giá trị sản xuất gia tăng của doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều này được tính bằng tổng doanh thu thuần trừ đi giá trị đầu vào là nguyên liệu sản xuất nhập khẩu, mua nội địa.

3. Số lượng lao động nghiên cứu và phát triển phải đạt mức quy định tại một trong các trường hợp sau:

a) Đối với doanh nghiệp có tổng nguồn vốn từ 6.000 tỷ đồng và tổng số lao động từ 3.000 người trở lên, thì số lao động có trình độ chuyên môn từ cao đẳng trở lên trực tiếp tham gia thực hiện nghiên cứu và phát triển phải đạt ít nhất 1% tổng số lao động của doanh nghiệp;

b) Đối với doanh nghiệp không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 3 Điều này, có tổng nguồn vốn từ 100 tỷ đồng và tổng số lao động từ 200 người trở lên, thì số lao động có trình độ chuyên môn từ cao đẳng trở lên trực tiếp tham gia thực hiện nghiên cứu và phát triển phải đạt ít nhất 2,5% tổng số lao động của doanh nghiệp;

c) Đối với doanh nghiệp không thuộc trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều này, thì số lao động có trình độ chuyên môn từ cao đẳng trở lên, trực tiếp tham gia thực hiện nghiên cứu và phát triển phải đạt ít nhất 5% tổng số lao động của doanh nghiệp.

Số lượng lao động nghiên cứu và phát triển quy định tại khoản 3 Điều này là số lao động đã ký hợp đồng lao động với doanh nghiệp có thời hạn từ 01 năm trở lên hoặc hợp đồng không xác định thời hạn.

4. Nội dung chi cho hoạt động nghiên cứu và phát triển bao gồm:

a) Chi đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cho nghiên cứu và phát triển tại Việt Nam (khấu hao hàng năm) bao gồm: chi xây lắp cơ sở nghiên cứu, thí nghiệm, thử nghiệm; chi mua sắm trang thiết bị nghiên cứu, thí nghiệm, thử nghiệm; chi mua sản phẩm mẫu, chi mua phần mềm, tài liệu, dữ liệu, thông tin phục vụ nghiên cứu;

b) Chi cho hoạt động nghiên cứu và phát triển thường xuyên hàng năm bao gồm: tiền lương và các khoản có tính chất giống lương (thưởng, phụ cấp, khoán chi phí đi lại, công tác phí) cho lao động nghiên cứu và phục vụ nghiên cứu; chi thù lao cho chuyên gia nhận xét, phản biện, đánh giá kết quả nghiên cứu; chi hội thảo, hội nghị khoa học có liên quan đến nội dung nghiên cứu; chi thuê cơ sở, thiết bị, máy móc phục vụ cho nghiên cứu, thí nghiệm, thử nghiệm; chi bảo dưỡng, bảo trì, sửa chữa cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ cho hoạt động nghiên cứu và phát triển; các khoản chi thường xuyên khác (như chi mua dụng cụ, vật tư, nguyên liệu vật liệu, hóa chất, năng lượng, thông tin liên lạc, văn phòng phẩm, vật dụng bảo hộ lao động, vật rẻ tiền mau hỏng phục vụ cho nghiên cứu);

c) Chi đào tạo bao gồm: chi đào tạo dài hạn hoặc ngắn hạn ở trong nước, ở nước ngoài cho lao động nghiên cứu và phát triển của doanh nghiệp; chi hỗ trợ đào tạo (hoặc cấp học bổng, trang thiết bị,máy móc) cho các tổ chức khoa học và công nghệ tại Việt Nam; và các chi phí đào tạo khác phục vụ cho hoạt động nghiên cứu và phát triển của doanh nghiệp;

d) Phí bản quyền, li-xăng chuyển giao công nghệ phục vụ hoạt động nghiên cứu và phát triển theo hợp đồng chuyển giao công nghệ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ;

đ) Những nội dung chi sau đây không được tính chi cho hoạt động nghiên cứu và phát triển của doanh nghiệp: chi phí kiểm tra chất lượng sản phẩm hoặc kiểm tra định kỳ nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, năng lượng; chi phí thu thập dữ liệu định kỳ không liên quan đến nghiên cứu; chi phí điều tra về hiệu quả hoặc nghiên cứu về quản lý; chi phí nghiên cứu về tiếp thị và quảng cáo bán hàng.

**Điều 2.** Các doanh nghiệp đã nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao trước thời điểm Quyết định này có hiệu lực thi hành mà chưa được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao thì thực hiện theo quy định tại Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2021 và thay thế cho Quyết định số 19/2015/QĐ-TTG ngày 15/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí xác định doanh nghiệp công nghệ cao.

**Điều 4.** Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Ban Bí thư Trung ương Đảng; - Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ; - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; - HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng; - Văn phòng Tổng Bí thư; - Văn phòng Chủ tịch nước; - Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội; - Văn phòng Quốc hội; - Tòa án nhân dân tối cao; - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; - Kiểm toán Nhà nước; - Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia; - Ngân hàng Chính sách xã hội; - Ngân hàng Phát triển Việt Nam; - Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; - Cơ quan Trung ương của các đoàn thể; - Lưu: VT, VPCP. | **THỦ TƯỚNG**  **Nguyễn Xuân Phúc** |